

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BG  
TỈNH BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2022/DSST-HNGĐ**  
Ngày 15 tháng 7 năm 2022  
V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BG**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Hoàng Thị Hồng và ông Nguyễn Văn Tư

**Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố BG

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố BG, tỉnh BG mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2022, giữa các đương sự:

*\*Nguyên đơn:* Chị Giáp Thị H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà 61, ngách 88, tổ dân phố Phú Mỹ, phường DK, thành phố BG, tỉnh BG.

*\*Bị đơn:* Anh Hà Văn L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Thuyền, xã DT, thành phố BG, tỉnh BG

(*Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn vắng mặt không có lý do*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là chị Giáp Thị H trình bày:* Chị và anh Hà Văn L lấy nhau là tự nguyện trên cơ sở được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 07/3/2006 tại UBND xã DT, thành phố BG, tỉnh BG và được hai gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống cùng gia đình nhà chồng ở DT. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng chị sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do kết hôn đã lâu nhưng mãi vợ chồng chị vẫn không có con, kinh tế ngày càng khó khăn, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, hai bên không thể nói chuyện, chia sẻ gì được với nhau hơn nữa còn thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau khiến cuộc sống chung trở nên mệt mỏi. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Do vợ chồng không thể hòa hợp với

nhau nữa nên chị đã dọn về ở cùng bố mẹ đẻ từ khoảng năm 2017, vợ chồng chị cũng ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn L để giải phóng cho cả hai bên. Chị và anh L không có con chung, không có tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Hà Văn L trình bày:* Về thời gian, nơi đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân thời gian đầu sau khi kết hôn cũng như về mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh như chị H trình bày là đúng. Anh xác nhận do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên chị H đã dọn về nhà bố mẹ đẻ ở hẳn từ khoảng năm 2017. Sau đó anh có nhiều lần đến xin lỗi và khuyên giải chị H để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H nhất định không nghe nên vợ chồng anh cũng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đồng ý ly hôn với chị Huệ để giải phóng cho cả hai bên. Anh và chị H không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ chung, trong thời kỳ chung sống anh chị có công nợ chung nhưng anh sẽ tự thỏa thuận giải quyết với chị H, trường hợp không thỏa thuận được thì anh sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

*Tại biên bản xác minh ngày 19/5/2022, đại diện chính quyền địa phương nơi anh L cư trú cung cấp:* Chị H và anh L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại địa phương. Địa phương không biết được tình trạng cũng như nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh L như thế nào chỉ biết khoảng từ năm 2017, chị H không còn ở cùng anh L nữa mà đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó đến nay không về nhà anh L nữa. Còn anh L do nợ nần nhiều nên thường xuyên vắng mặt tại địa phương, thời gian gần đây mới có nhà. Chị H và anh L không có con chung.

Tòa án đã mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh L đều vắng mặt. Chị H xác định tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, không thể hàn gắn và đề nghị Tòa án không hòa giải cho anh chị nữa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh L đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố BG phát biểu: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Giáp Thị H được ly hôn anh Hà Văn L; tài sản

chung và công nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Kiến nghị, khắc phục vi phạm: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh L là bị đơn sinh sống trên địa bàn thành phố BG nên Tòa án nhân dân thành phố BG thụ lý, giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về mối quan hệ hôn nhân: Chị H và anh L kết hôn tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 07/3/2006 và được UBND xã DT cấp giấy chứng nhận kết hôn nên Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp đúng với quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quá trình chung sống của vợ chồng: Chị H và anh L đều xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do kết hôn đã lâu nhưng mãi vợ chồng vẫn không có con, kinh tế khó khăn, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cuộc sống thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau khiến cuộc sống chung trở nên mệt mỏi và đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Chính quyền địa phương nơi anh L cư trú cũng xác nhận từ khoảng năm 2017 đến nay không thấy chị H sống cùng anh L nữa, chỉ có một mình anh L ở cùng mẹ đẻ. Quá trình giải quyết vụ án, anh L vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa không có lý do. Chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải đồng thời xin vắng mặt tại phiên tòa do không muốn gặp lại anh L nữa. Điều này cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải đoàn tụ gia đình. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị H về việc yêu cầu Tòa án cho ly hôn với anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, về tài sản chung: Các đương sự xác định không có con chung, không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về công nợ chung: Các đương sự xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị Giáp Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

**1.** Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**2. Xử:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Giáp Thị H được ly hôn anh Hà Văn L

**2.2. Về án phí:** Chị Giáp Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang theo biên lai số 0001464 ngày 12/4/2022.

**2.3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng nghị đối với bản án của Viện kiểm sát cùng cấp là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

**3.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BG;
- VKSND tỉnh BG;
- VKSND thành phố BG;
- CCTHADS thành phố BG;
- UBND xã DT, thành phố BG;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hằng**